

Biện pháp nâng cao hứng thú nghề nghiệp của sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Vũ Thùy Hương*

*ThS. Học viện BC&TT

Received: 16/9/2024; Accepted: 24/9/2024; Published: 8/10/2024

Abstract: The study used questionnaire surveys to research on 234 students of the Academy of Journalism and Communication to find out the current state of their interested in career, thereby proposing recommendations. help increase the career interest of them in the current period.

Keywords: Interesting; Students' interested in career; Academy of Journalism and Communications.

1. Mở đầu

Hứng thú nói chung và hứng thú nghề nghiệp (HTNN) nói riêng là một yếu tố có ý nghĩa rất quan trọng. Nó làm cho con người say mê, kích thích sự sáng tạo ở con người, tăng nghị lực vượt khó cho con người. Từ đó, con người yêu nghề và nỗ lực hơn trong công việc của mình, hầu đạt được những hiệu quả cao nhất: “HTNN là động lực quan trọng để con người gắn bó với nghề. HTNN là cơ sở tâm lí hình thành lòng yêu nghề. Chỉ có hứng thú, công việc mới được nâng lên đỉnh cao sáng tạo. Lòng yêu nghề thường bắt nguồn từ hứng thú với nghề đó. Nhiều khi gặp rất nhiều khó khăn trở ngại trong lao động nghề nghiệp, nhưng hứng thú đã giúp con người vượt qua”[2]. Hơn nữa, HTNN được hình thành ngay trong trường chuyên nghiệp góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nghề nghiệp cho sinh viên (SV). Do đó, nghiên cứu HTNN của sinh viên đại học như ở Học viện BC&TT làm cơ sở khoa học đề xuất các biện pháp hình thành và nâng cao HTNN cho các em, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đại học là có ý nghĩa và cần thiết.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lí luận về HTNN của sinh viên

* *Hứng thú nghề nghiệp:*

Theo [1], [2], [3], [4], chúng tôi hiểu: HTNN là thái độ đặc thù của cá nhân đối với nghề nghiệp chuyên môn, do nhận thức được ý nghĩa của nghề trong đời sống nên nó có sức hấp dẫn về mặt tình cảm, lôi cuốn hoạt động.

* *Khái niệm sinh viên:*

Theo [3], [5], chúng tôi hiểu: sinh viên là những người đang theo học tại các trường đại học, cao đẳng chuyên nghiệp, có giới hạn về độ tuổi thanh niên từ 17,18 đến 24 tuổi. Họ có sự trưởng thành về mặt cơ thể, tâm lí và xã hội, định hình về nhân cách, những

người đang tích cực học tập rèn luyện để chuẩn bị hoàn thiện tích lũy các kiến thức chuyên môn - nghiệp vụ theo chương trình xác định.

* *HTNN của sinh viên:*

Từ khái niệm HTNN và khái niệm sinh viên, chúng tôi hiểu: HTNN của sinh viên là thái độ đặc thù của cá nhân sinh viên đối với nghề nghiệp chuyên môn, do nhận thức được ý nghĩa của nghề trong đời sống nên nó có sức hấp dẫn về mặt tình cảm, lôi cuốn hoạt động.

HTNN của SV được biểu hiện ở [4], [6]:

Mặt nhận thức: Tầm quan trọng của hứng thú nghề nghiệp; Ý nghĩa và vai trò của hứng thú nghề nghiệp; Giá trị nghề nghiệp SV chọn.

Mặt thái độ: Yêu thích chuyên ngành đang theo học; Hài lòng với chuyên ngành đang học; Thích thú khi nghĩ đến nghề mình chọn; Quyết tâm theo đuổi nghề đã chọn; Hào hứng trong các giờ học; Nuối tiếc khi phải nghỉ buổi học.

Mặt hành vi: Đi học đúng giờ; Chú ý nghe giảng; Ghi chép bài đầy đủ; Hay phát biểu ý kiến; Nói với người khác về nghề mình học; Sưu tầm những tài liệu có liên quan đến nghề của mình; Đọc, tìm nhiều thông tin về nghề của mình; Gặp gỡ những người đã làm nghề mình đang theo học; Tham gia các ngày hội việc làm; Liên hệ với các công ty giới thiệu việc làm; Tham gia các cuộc hội thảo hướng nghiệp.

2.2. Phương pháp nghiên cứu và khách thể nghiên cứu

* *Phương pháp nghiên cứu:*

Chúng tôi sử dụng phương pháp điều tra viết là phương pháp nghiên cứu chính để phát hiện thực trạng mức độ, biểu hiện, cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến HTNN của SV Học viện BC&TT với các câu hỏi Likert 3 mức độ. Căn cứ vào điểm trung bình (ĐTB) các biểu hiện, HTNN của SV Học viện BC&TT

được đánh giá 3 mức độ: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 1.67$: Thấp; $1.67 < \text{ĐTB} \leq 2.34$: Trung bình (TB); $2.34 < \text{ĐTB} \leq 3$: Cao.

* *Khách thể nghiên cứu:*

234 SV Học viện Báo chí và Tuyên truyền (BC&TT) đang theo nhiều chuyên ngành khác nhau được chúng tôi chia thành hai nhóm ngành học: Nhóm ngành lí luận và nhóm ngành báo chí và truyền thông

2.3. Thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến HTNN của sinh viên Học viện BC&TT

2.3.1 Thực trạng HTNN của sinh viên Học viện BC&TT

Kết quả đánh giá chung về thực trạng HTNN của SV Học viện BC&TT được thể hiện ở bảng 2.1.

Bảng 2.1: Kết quả đánh giá chung về thực trạng HTNN của sinh viên Học viện BC&TT

Biểu hiện của hứng thú nghề nghiệp	Nhóm ngành học				Giới tính				Chung	
	Lí luận chính trị		Báo chí và truyền thông		Nữ		Nam			
	ĐTB	Mức	ĐTB	Mức	ĐTB	Mức	ĐTB	Mức	ĐTB	Mức
Nhận thức	2.36	Cao	2.52	Cao	2.45	Cao	2.43	Cao	2.44	Cao
Thái độ	2.28	Trung bình	2.44	Cao	2.37	Cao	2.35	Cao	2.36	Cao
Hành vi	2.27	Trung bình	2.44	Cao	2.35	Cao	2.36	Cao	2.36	Cao
Chung	2.30	Trung bình	2.47	Cao	2.39	Cao	2.38	Cao	2.39	Cao

Kết quả bảng trên cho thấy, HTNN của SV Học viện BC&TT ở mức cao (ĐTB=2.39). Trong đó, mặt nhận thức của HTNN của SV (ĐTB = 2.44) cao hơn mặt thái độ (ĐTB = 2.36) và mặt hành vi (ĐTB = 2.36), nhưng kết quả kiểm định cho thấy sự khác biệt này không có ý nghĩa (Sig = 0.2703).

HTNN của SV Học viện BC&TT sự khác biệt giữa các nhóm ngành học. HTNN của SV thuộc nhóm ngành Báo chí và truyền thông (ĐTB = 2.47) cao hơn SV thuộc nhóm ngành Lí luận chính trị (ĐTB = 2.30). Trong đó, HTNN của SV thuộc nhóm ngành Báo chí và truyền thông cao hơn SV thuộc nhóm ngành Lí luận chính trị ở cả ba mặt: nhận thức, thái độ và hành vi. Kết quả kiểm định cho thấy sự khác biệt này có ý nghĩa (Sig = 0.0318). Điều này cho thấy, nhóm ngành học ảnh hưởng gì đến HTNN của SV Học viện BC&TT.

Có sự khác biệt về giới tính trong HTNN của SV Học viện BC&TT: HTNN của nam SV (ĐTB = 2.38) cao nữ SV (ĐTB = 2.39). Tuy nhiên, kết quả kiểm định cho thấy sự khác biệt này không có ý nghĩa (Sig = 0.317). Điều này cho thấy, giới tính không ảnh hưởng gì đến HTNN của SV Học viện BC&TT.

2.3.2 Các yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng HTNN của sinh viên Học viện BC&TT

Qua khảo sát cho thấy, có nhiều yếu tố ảnh hưởng ở mức độ cao tới thực trạng HTNN của SV Học viện BC&TT, trong đó các yếu tố “Thu nhập của nghề nghiệp”, “Cơ hội việc làm”, “Hiểu biết về nghề”, “Ước muốn của bản thân”, “Cơ hội thăng tiến của nghề nghiệp” có ảnh hưởng nhiều nhất và các yếu tố “Tình trạng sức khỏe”, “Cơ sở vật chất và điều kiện, phương tiện học tập”, “Thái độ của của xã hội với nghề nghiệp” có ảnh hưởng ít hơn. Đây là thông tin quan trọng giúp Học viện, cố vấn học tập,... có quyết định phù hợp để tạo ra HTNN của SV.

2.4. Đề xuất biện pháp nâng cao HTNN của sinh viên Học viện BC&TT

2.4.1. Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng, vị trí, chức năng của các ngành đào tạo tại Học viện BC&TT

- *Mục tiêu của biện pháp* giúp SV có nhận thức đúng đắn về chức năng, vai trò và ý nghĩa của các ngành đào tạo tại Học viện BC&TT đang theo học. Từ đó, hình thành ở SV ý thức, động cơ và thái độ tích cực trong học tập chuyên ngành đào tạo mà các em đang theo học.

- *Nội dung của biện pháp:*

+ Trang bị cho SV chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra... của các ngành đào tạo tại Học viện BC&TT.

+ Trang bị cho SV những kiến thức vai trò, ý nghĩa, giá trị về ngành nghề đang được đào tạo tại Học viện.

- *Cách thức thực hiện biện pháp:*

+ Tổ chức buổi toạ đàm, thảo luận về vai trò của ngành nghề SV đang theo học tại Học viện.

+ Giảng viên giới thiệu cho SV chương trình đào tạo chi tiết, chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo tại Học viện BC&TT và tổ chức thảo luận để các em hiểu rõ, nắm vững.

+ Có chế độ khen thưởng và kỉ luật kịp thời đối với những SV có kết quả học tập tốt.

+ Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu, giới thiệu các ngành đào tạo tại Học viện BC&TT.

+ Khuyến khích SV thực hiện các nghiên cứu khoa học về ngành nghề đang được đào tạo tại Học viện.

- *Điều kiện thực hiện biện pháp:*

+ SV tích cực, chủ động, tự giác tham gia.

+ Bảo đảm về cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ thực hiện biện pháp.

2.4.2 Hình thành và phát triển HTNN của SV thông qua các hoạt động ngoại khoá hoặc hoạt động trải nghiệm

- **Mục tiêu biện pháp:** Góp phần nâng cao nhận thức, tạo cơ hội cho SV vận dụng hiểu biết của mình vào thực tiễn để hình thành và phát triển HTNN của SV. Hình thành thái độ tích cực, chủ động trong hình thành và phát triển HTNN của SV.

- **Nội dung và cách thức thực hiện biện pháp:**

+ Xác định các hoạt động ngoại khoá hoặc trải nghiệm có thể lồng ghép việc hình thành và phát triển HTNN của SV.

+ Phối hợp với Đoàn trường, Hội Sinh viên... tuyên truyền vai trò của HTNN tới hoạt động học tập của SV dưới nhiều hình thức như bản tin, các hoạt động của Đoàn trường, Hội Sinh viên...

+ Phối hợp với Đoàn trường, Hội Sinh viên, các khoa lồng ghép hình thành và phát triển HTNN của SV trong các hoạt động giáo dục thường xuyên, đột xuất của Đoàn trường, Hội Sinh viên, các khoa.

+ Phối hợp với cơ quan, đơn vị ngoài Học viện tổ chức cho SV tham quan, thực tế nghề nghiệp được đào tạo của SV.

2.4.3. Đánh giá tính cần thiết và khả thi của của các biện pháp

Bảng 2.3. Tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp hình thành và phát triển HTNN của SV Học viện BC&TT

Biện pháp	Tính cần thiết		Tính cần thiết	
	Mức	Mức	ĐTB	ĐTB
Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng, vị trí, chức năng của các ngành đào tạo tại Học viện BC&TT	2.45	Cao	2.39	Cao
Hình thành và phát triển HTNNSV thông qua các hoạt động ngoại khoá hoặc hoạt động trải nghiệm	2.43	Cao	2.38	Cao

Kết quả bảng trên cho thấy, các chuyên gia của Học viện BC&TT đánh giá cả hai biện pháp hình thành và phát triển HTNN của SV Học viện BC&TT đều có tính cần thiết và tính khả thi cao. Đây là cơ sở tích cực cho việc triển khai các biện pháp này vào thực tiễn trong thời gian tới

3. Kết luận và kiến nghị

3.1. Kết luận

HTNN của SV Học viện BC&TT ở mức cao (ĐTB=2.39)

HTNN của SV thuộc nhóm ngành Báo chí và truyền thông cao hơn SV thuộc nhóm ngành Lý luận chính trị ở cả ba mặt: nhận thức, thái độ và hành vi. Kết quả kiểm định cho thấy sự khác biệt này có ý nghĩa (Sig = 0.0318). Điều này cho thấy, nhóm ngành học ảnh hưởng gì đến HTNN của SV Học viện BC&TT.

Các yếu tố “Thu nhập của nghề nghiệp”, “Cơ hội việc làm”, “Hiểu biết về nghề”, “Ước muốn của bản thân”, “Cơ hội thăng tiến của nghề nghiệp” có ảnh hưởng nhiều nhất và các yếu tố “Tình trạng sức khỏe”, “Cơ sở vật chất và điều kiện, phương tiện học tập”, “Thái độ của của xã hội với nghề nghiệp” có ảnh hưởng ít hơn.

Hai biện pháp: Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng, vị trí, chức năng của các ngành đào tạo tại Học viện BC&TT và Hình thành và phát triển HTNNSV thông qua các hoạt động ngoại khoá hoặc hoạt động trải nghiệm đều có tính cần thiết và tính khả thi cao đối với sự pháp hình thành và phát triển HTNN của SV Học viện BC&TT

3.2. Kiến nghị

* Đối với Học viện BC&TT

Cần có bộ phận chuyên trách tư vấn hướng nghiệp giúp các học viên nhận thức được hưng thú nghề nghiệp của bản thân cũng như cung cấp thông tin thị trường lao động.

Cần nâng cấp cơ sở vật chất, máy móc thiết bị nhằm tạo cho các học viên có được môi trường học tập tốt nhất, góp phần hình thành và phát triển HTNN của SV.

Tiếp tục nâng cao chất lượng chương trình đào tạo, cải tiến phương pháp dạy học tích cực để phát triển HTNN của SV.

* Đối với bản thân mỗi sinh viên

- Nhận thức, thái độ và hành vi đúng đắn trong học tập chuyên ngành đang theo học nhằm hình thành hứng thú nghề nghiệp.

- Thường xuyên ý thức tự giác nâng cao trình độ và năng lực nhận thức nhằm đáp ứng tốt yêu cầu hoạt động học tập ở Học viện.

Tài liệu tham khảo

- [1] Covaliop, A.G. (1971). *Tâm lý học cá nhân*, tập 1. Nxb Giáo dục Hà Nội.
- [2] Nguyễn Quang Uẩn. (2005). *Giáo trình Tâm lý học Đại cương*. Nxb ĐHSP Hà Nội.
- [3] Phạm Minh Hạc. (2013). *Từ điển Bách khoa Tâm lý học Giáo dục học Việt Nam*. Nxb Giáo dục.
- [4] Đỗ Thị Coóng (2003), *Nghiên cứu HTNN môn tâm lý học của sinh viên ĐHSP Hải Phòng*, luận án tiến sĩ Tâm lý học, ĐHSP Hà Nội.
- [5] Lê Văn Hồng (chủ biên) (1998), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, Nxb Đại học Quốc gi Hà Nội.
- [6] Trần Thu Hương (2007), *HTNN của sinh viên trường Đại học KHXH&NV*, Tạp chí Tâm lý học, Số 10, tr.54 – 58.